TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/DS-ST
Ngày 26 – 4 – 2023
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiển

Ông Trần Công Đoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Dương Tấn Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Minh D; Sinh năm 1970 và bà Trịnh Thị P; Sinh năm 1970; Cùng cư trú tại: Ấp Tân Th, xã Tân D, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (có mặt);

- Bị đơn: Anh Lý Văn Tr; Sinh năm 1992; Cư trú tại: Ấp Tân L, xã Tân D, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (có mặt);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Bùi Thị Kha L; Sinh năm 1995; Cư trú tại: Ấp Tân Th, xã Tân D, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Bùi Minh D, bà Trịnh Thị P trình bày:*

Ông, bà có tham gia hụi do chị L và anh Tr làm chủ đầu thảo như sau:

- Dây hụi thứ nhất, loại hụi 500.000 đồng, nửa tháng khui một lần, mở ngày 09/5/2019 âm lịch, tổng có 60 phần, hụi chết 34 phần, còn sống 26 phần, bà P và ông D tham gia 4 phần. Đến ngày 24/9/2021 âm lịch, chị L đình hụi nên nợ lại số tiền 66.800.000 đồng. Đã trừ tiền cò mỗi chưng 300.000 đồng.

- Dây thứ hai, loại hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 02/8/2019 âm lịch, tổng có 39 phần, ông D và bà P tham gia 02 phần, hụi chết được 15 lần, sống 24 phần. Đến ngày 02/10/2021 âm lịch, chị L đình hụi nên nợ lại số tiền 57.600.000 đồng. Đã trừ tiền còn 1.200.000 đồng/chưng.

Quá trình giao dịch hụi, mặc dù giấy hụi ghi tên chủ hụi là chị L nhưng khi gom hụi đa phần đều do anh Tr gom, cũng có lần anh Tr chở chị L đi gom hụi. Tổng số tiền chị L và anh Tr nợ hụi ông D, bà P là 124.400.000 đồng. Do chị L và anh Tr đã L hôn nên, phần của mỗi người là ½ bằng 62.200.000 đồng. Đối với phần nợ của chị L không yêu cầu xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, ông D, bà P xác định khi đình hụi vợ chồng anh Tr và chị L có nhờ ông, bà gom hụi lấp hụi dùm, nhưng thực tế gom hụi chết không đủ lấp cho những người còn sống, và chỉ gom hụi viên bên ngoài, còn cha mẹ, người thân hai bên đều nợ lại.

Đối với chưng hụi 500.000 đồng: Theo danh sách hụi viên thì có gom của Mợ Chín (Chín Lợi) ở Tân Th; Huyền Lớn ở Tân Long; Út Loan ở Khóm 5; bác sĩ Bảo ở Tân Long; Mộng ở Tân Th; Mợ 7 (7 Hồng) ở Tân Long; Tâm ở Tân Long; Tư Trí ở Tân Th , Trân ở Tân Long tổng cộng 8 người với 10 chưng hụi để để lấp qua cho Sol, Mợ 5 (Chung), Mợ 4 (Tính), mợ Út (Quân), Mợ 3 (Nghĩa), ông Ngoại (9 Thông) My, Đầy (3 Đầy) cùng ở Tân Th, anh Luân ở Hàng Dừa, bác 5 (Bấu) ở ấp 10, dì 9 (Hoa) ở Tân Th. Số tiền gom của mỗi người mỗi chưng là 500.000 đồng/tháng chia lại cho những người trên, người nào 1 chưng là 668.000 đồng/tháng, người 2 chưng thì 1.336.000 đồng/tháng.

Đối với chưng hụi 2.000.000 đồng: Theo danh sách hụi viên thì có gom của bác sĩ Bảo, My, Út Loan đều là 1 sống 1 chết nên chỉ gom mỗi người 800.000 đồng/tháng, gọm của Hạ, vợ Dĩ thì gom 2.000.000 đồng/tháng, chia lại cho Thiếm 3 Kỳ Nam, 3 Phúc ở Bàu Bèo, Út Quân, ông Ngoại (8 Thông), chị Hai (Phướng), Sol, dì chín (Hoa), 6 Thảo cùng ở Lung Cá Kèo mỗi người 1.200.000 đồng, riêng bà 6 Thảo chia 1.030.000 đồng/tháng vì bà Thảo đóng không đủ tiền hụi sống chỉ đóng 13 tháng (tổng tới 15 tháng)

Nay ông Bùi Minh D, bà Trịnh Thị P yêu cầu anh Lý Văn Tr trả số tiền hụi là 62.200.000 đồng.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Lý Văn Tr trình bày*:

Anh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh và chị L có mối quan hệ vợ chồng do phát sinh mâu thuẫn nên đến khoảng tháng 7-8/2022 đã ra tòa án L hôn, phần tài sản và nợ chung không yêu cầu tòa án giải quyết, chỉ giải quyết vấn đề hôn nhân. Quá trình chung sống việc làm hụi do chị L tự đứng ra mở hụi và tự làm, ông không biết cụ thể mở hụi như thế nào, gồm những ai tham gia và có bao nhiêu chưng. Nhưng khi gom hụi anh có đi gom thay cho chị L, số lượng anh đi gom hụi khoảng gần ½ số người tham gia trong dây hụi, khi gom về cũng đều giao tiền cho chị L, quá trình chung sống kinh tế đều do chị L nắm chi xài nên không rõ lời lãi ra sao. Tiền làm hụi chị L cũng sử dụng chi sài gì anh không rõ, các sinh hoạt phí trong gia đình khi đó đều do cha mẹ của anh lo, chi sài riêng của vợ chồng thì do chị L nắm kinh tế chi. Khi chị L tuyên bố đình hụi, có nói cho anh

biết là do tay em hốt hụi không đóng lại nên đình hụi, thời điểm này vợ chồng cùng đi làm xa nên giao hụi lại cho mẹ vợ là bà P đi gom hụi những người hụi chết lấp sang cho những người hụi sống dùm. Giao từ khi đình hụi và bỏ đi làm đến nay, cho nên anh Tr xác định bà P, ông D đã gom những người hụi chết lấp hụi cho những người hụi sống xong nên anh không đồng ý trả tiền hụi cho ông D, bà P. Hiện tại anh không xác định ai hụi chết đã hốt hụi và ai hụi sống như thế nào vì trực tiếp kiểm tra giao dịch hụi đều do chị L làm.

** Tại phiên tòa chị Bùi Thị Kha L trình bày:*

Trong thời gian còn mối quan hệ vợ chồng với anh Tr, chị có mở tất cả 2 dây hụi, dây hụi 500.000 đồng/nửa tháng, dây hụi 2.000.000 đồng/tháng. Ngoài 2 dây hụi này chị không mở thêm dây nào. Khi mở hụi là do vợ chồng cùng mở, anh Tr vẫn đều biết và đi gom hụi với chị, khi đình hụi vẫn nói cho anh Tr biết và anh Tr cũng thống nhất giao lại cho ông D, bà P ở nhà gom hụi dùm để lấp qua hụi viên còn sống, số lượng gom được không nhiều, như ông D, bà P trình bày là đúng. Chị L xác định khi đình hụi cũng có mời hụi viên đến tuyên bố, khi mời lại nhà chị vẫn còn ở chung với ba mẹ chồng, các hụi viên thống nhất vẫn tiếp tục gom hụi của những người hụi chết đến khi mãn hụi để lấp cho những hụi viên còn sống, nhưng có số người bỏ đi khỏi địa phương nên việc gom lấp không đủ và người trong nhà cha mẹ hai bên đều còn nợ lại hết.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự nên không có kiến nghị và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Minh D và bà Trịnh Thị P. Buộc anh Lý Văn Tr trả số tiền hụi 62.200.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm đương sự chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà P và ông D khởi kiện yêu cầu anh Tr trả lại số tiền hụi ông, bà đã góp. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là tranh chấp hợp đồng dân sự cụ thể hợp đồng hụi thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Xét nội dung vụ án thấy rằng: Ngày 09/5/2019 và ngày 02/8/2019 âm lịch, bà P và ông D cùng với chị L có giao dịch hụi với nhau theo giấy hợp đồng về việc mở hụi (BL 01, 02), theo đó chị L làm chủ hụi và hưởng hoa hồng, bà P và ông D là hụi viên. Quá trình giao dịch hụi, bà P và ông D đã thực hiện đúng nghĩa vụ của hụi viên là góp hụi hàng tháng đầy đủ. Chị L là chủ hụi, khi đình hụi lại không hoàn trả số tiền hụi đã góp vào cho ông D, bà P. Do đó, chị L đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi đồng thời chị L cũng thừa nhận khi đình hụi chỉ gom trả cho người ngoài, người thân trong gia đình chưa trả, còn nợ lại số tiền hụi đối với ông

D, bà P của hai dây hụi trên là 124.400.000 đồng (BL 51). Tại giấy hụi cũng thể hiện ông D, bà P có tham gia giao dịch hụi và có tên trong danh sách hụi cùng số chưng hụi tham gia (BL 01, 02, 49, 50).

Xét về yêu cầu trả nợ của ông D, bà P thấy rằng: Mặc dù giấy hụi ghi chủ hụi là chị L, nhưng quá trình chị L giao dịch hụi, anh Tr đều biết, anh Tr cũng có xác nhận có đi gom hụi, ngoài ra cả ông D, bà P và anh Tr đều xác định khi chị L đình hụi có giao lại nhờ ông D, bà P gom hụi chết lấp sang cho những người hụi sống dùm, trong quá trình chung sống anh Tr cũng xác định chị L là người nắm kinh tế, mọi sinh hoạt riêng của vợ chồng đều do chị L chi, chị L cũng xác định việc làm hụi để tạo thêm thu nhập cho vợ chồng, anh Tr đi gom hụi là đã mặc nhiên thừa nhận giao dịch hụi và cùng thực hiện với chị L, do đó khoản nghĩa vụ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên anh Tr phải có trách nhiệm trả ½ nợ như ông D, bà P yêu cầu là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình. Anh Tr cho rằng khi đình hụi thống nhất giao hụi lại cho ông D, bà P nên khi ông D, bà P gom hụi của hụi viên đã chết chung lại cho hụi viên còn sống thì cũng đã chung hụi cho ông D, bà P xong. Việc này ông D, bà P không thừa nhận, anh Tr cũng không đưa ra được cơ sở chứng minh ông D, bà P gom hụi chết để lấp sang cho hụi sống của ông, bà. Vì vậy, lời trình bày của anh Tr không có cơ sở mà cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự.

Đối với phần trình bày của anh Tr về việc yêu cầu trả cho ông D, bà P số tiền vốn góp vào thì thấy rằng: Ông D, bà P, anh Tr đều không xác định được số tiền góp hụi của mỗi kỳ bao nhiêu, chị L có mở sổ theo dõi, hụi 500.000 đồng mức bỏ hụi cao nhất là 150.000 đồng, thấp nhất là 80.000 đồng, hụi 2.000.000 đồng mức bỏ cao nhất 500.000 đồng đến 600.000 đồng, thấp nhất là 200.000 đồng. Khi đình hụi, chị L có mời hụi viên đến thương lượng về việc góp dần, theo đó thống nhất chủ hụi vẫn tiếp tục gom của hụi viên đã hốt hụi để chung cho hụi viên còn sống đến mãn hụi. Do đó, việc này các hụi viên đã đồng ý và thực tế chủ hụi đã gom hụi của hụi viên theo hình thức này từ khi đình hụi đến nay nên việc yêu cầu trả vốn góp vào của anh Tr là không có cơ sở mà cần buộc anh Tr có trách nhiệm trả cho ông D, bà P ½ phần nợ với số tiền 62.200.000 đồng là đúng quy định.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 3.110.000 đồng (62.200.000 đồng x 5%) tương ứng số tiền phải trả cho nguyên đơn;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Minh D và bà Trịnh Thị P

Buộc anh Lý Văn Tr trả cho ông Bùi Minh D và bà Trịnh Thị P số tiền hụi là 62.200.000 đồng (Sáu mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong đối với tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Minh D và bà Trịnh Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông D, bà P số tiền 778.000 đồng (bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng) tạm ứng theo biên lai thu số 0013676 ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D.

Anh Lý Văn Tr phải chịu 3.110.000 đồng (ba triệu một trăm mười nghìn đồng) (chưa nộp).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Ông D, bà P, ông Tr, bà L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Trúc